

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /2016/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 04/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03/6/2009 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BTC ngày 19 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính quy định thực hiện một số nội dung của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang



nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2016/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 391/TTr-STC ngày 25 tháng 8 năm 2016 về việc ban hành Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Sở Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2016 thay thế Quyết định số 11/2010/QĐ-UBND ngày 10 tháng 3 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB QPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, STC (03), nknguyen. 236

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 32/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập (gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) do địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Những nội dung khác liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước chưa quy định tại Quyết định này thực hiện theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước.

Điều 3. Tài sản nhà nước thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng

Tài sản nhà nước thực hiện phân cấp quản lý, sử dụng là tài sản được hình thành từ các nguồn ngân sách nhà nước, có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định của pháp luật giao cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức quản lý, sử dụng gồm:

1. Xe ô tô, phương tiện vận tải các loại.
2. Trụ sở làm việc và tài sản khác gắn liền với đất.
3. Quyền sử dụng đất đối với đất dùng để xây dựng trụ sở làm việc.
4. Cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.
5. Máy móc, trang thiết bị làm việc.



6. Các loại tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

Việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp thẩm quyền đối với các nội dung sau:

1. Mua sắm tài sản nhà nước;
2. Thuê tài sản;
3. Thu hồi tài sản nhà nước;
4. Điều chuyển tài sản nhà nước;
5. Bán tài sản nhà nước;
6. Thanh lý tài sản nhà nước;
7. Tiêu hủy tài sản nhà nước.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản nhà nước cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm:

- a) Xe ô tô, phương tiện vận tải các loại.
- b) Các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản nhà nước có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm, trừ tài sản qui định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 lần mua sắm, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Đối với việc mua sắm tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp hoặc sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị, do Thủ trưởng

đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính quyết định, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Việc mua sắm tài sản quy định tại Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu. Các trường hợp mua sắm tài sản theo phương thức tập trung thì thực hiện theo quy định về mua sắm tài sản tập trung.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê trụ sở làm việc đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của cấp tỉnh có giá trị tiền thuê từ 200 triệu đồng trở lên/năm theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được thuê trụ sở làm việc.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê trụ sở làm việc đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, có giá trị tiền thuê dưới 200 triệu đồng/năm.

c) Đối với việc thuê trụ sở làm việc từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn huy động để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp sản xuất kinh doanh, dịch vụ của đơn vị do Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính được quyết định.

d) Đối với việc thuê tài sản phục vụ hoạt động của tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp do người đứng đầu của tổ chức quyết định theo quy định của pháp luật về dân sự và điều lệ của tổ chức. Tiền thuê tài sản được chi trả từ kinh phí của tổ chức.

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản không phải là trụ sở làm việc

Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng trang thiết bị làm việc và trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải và các tài sản khác không phải là trụ sở làm việc để phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Điều kiện, trình tự và thủ tục thuê tài sản:

Điều kiện, trình tự và thủ tục thuê trụ sở làm việc; thuê tài sản khác không phải là trụ sở làm việc thực hiện theo quy định tại các Điều 7, 8 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ; các Điều 6, 7 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các Điều 4, 5 Thông tư số 23/2016/TT-BTC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Bộ Tài chính.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các tài sản, gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thu hồi tài sản nhà nước là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trong phạm vi nội bộ ngành và cấp quản mình quản lý, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 12 và Điều 14 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản nhà nước

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức về trụ sở làm việc và tiêu chuẩn, định mức về trang thiết bị làm việc do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải các loại; các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính điều chuyển tài sản nhà nước là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài phạm vi ngành, phạm vi huyện trên cơ sở đề nghị của đơn vị đang sử dụng và đơn vị có nhu cầu sử dụng tài sản đối với các loại tài sản còn lại, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước là các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi nội bộ theo ngành và cấp quản lý, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 17 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm: Trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất (bao

gồm cả quyền sử dụng đất); xe ô tô, phương tiện vận tải các loại; tài sản khác có giá trị còn lại theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tài chính quyết định bán tài sản nhà nước là các tài sản khác có giá trị còn lại theo sổ kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Phương thức, trình tự, thủ tục bán tài sản nhà nước, quản lý, sử dụng tiền thu được từ bán tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 18, 20, 21, 22, 23, 24 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ và các Điều 12, 13 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản nhà nước

1. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý các loại tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 5 của Quy định này, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý, sử dụng tài sản quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi mình quản lý đối với các loại tài sản còn lại và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Phương thức thanh lý tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

4. Trình tự, thủ tục, tổ chức thanh lý tài sản nhà nước, quản lý, sử dụng tiền thu được từ thanh lý tài sản nhà nước thực hiện theo quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 và 48 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Riêng đối với tiền thu được từ thanh lý tài sản nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập chưa tự chủ tài chính được sử dụng để bổ sung vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị theo quy định tại Khoản 3 Điều 37 của Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 của Chính phủ.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước

1. Tài sản nhà nước bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản nhà nước: Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền quyết định mua sắm theo phân cấp thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị đó ra quyết định tiêu hủy tài sản.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với lĩnh vực tài sản nhà nước đảm bảo thống nhất trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý.
2. Chấp hành, triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.
3. Hướng dẫn các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản nhà nước theo Quy định này.
4. Tổng hợp báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định của pháp luật.
5. Tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý. Xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.
6. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 14 Quy định này.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chấp hành việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.
2. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chức trách, thẩm quyền được phân cấp về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.
3. Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
4. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo hướng dẫn của Sở Tài chính.
5. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 14 Quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Chấp hành việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quy định này.
2. Sử dụng tài sản nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.
3. Thực hiện kê khai đăng ký tài sản, lập thẻ tài sản, theo dõi hạch toán kế toán và báo cáo tài sản nhà nước theo đúng quy định hiện hành.



4. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước có trách nhiệm:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản nhà nước thuộc phạm vi quản lý ngành và địa phương theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 245/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

b) Quy định công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại đơn vị; thực hiện báo cáo, định kỳ hàng năm theo đúng quy định tại Quyết định số 115/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 8 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định về công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và Thông tư số 89/2010/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ báo cáo công khai quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước.

c) Thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 58/2015/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Công khai chế độ, chính sách liên quan đến phương tiện, điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ của Đảng, nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại Quyết định số 05/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

6. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Xử lý vi phạm trong việc mua sắm trang bị, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước

1. Việc mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Luật Phòng, chống tham nhũng và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Người ra quyết định mua sắm, thuê, điều chuyển, thu hồi tài sản không đúng thẩm quyền, không đúng tiêu chuẩn, định mức, chủng loại phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

3. Người ra quyết định bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản không đúng thẩm quyền, không đúng quy định gây thất thoát ngân sách nhà nước phải bồi thường thiệt hại và tùy theo mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.



4. Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản nhà nước không đúng quy định, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan phải chịu trách nhiệm; tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm và mức thiệt hại mà phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

5. Tài sản nhà nước mua không đúng tiêu chuẩn, vượt giá quy định, vượt định mức bị thu hồi để xử lý theo quy định của pháp luật về tài sản nhà nước.

6. Cơ quan, tổ chức, đơn vị không thực hiện đăng ký, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước theo quy định sẽ bị từ chối cấp kinh phí để mua sắm tài sản và bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định. *M*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Mai Văn Huỳnh